CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

NGHỊ ĐỊNH CỦA CHÍNH PHỦ
Quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Pháp lệnh lực lượng Cảnh sát biển Việt Nam

Nghị định số 86/2009/NĐ-CP ngày 29 tháng 10 năm 2009 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Pháp lệnh lực lượng Cảnh sát biển Việt Nam, có hiệu lực thi hành kể từ ngày 04 tháng 12 năm 2009, được sửa đổi, bổ sung bởi:

Nghị định số 96/2013/NĐ-CP ngày 27 tháng 8 năm 2013 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều Nghị định số 86/2009/NĐ-CP ngày 29 tháng 10 năm 2009 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Pháp lệnh lực lượng Cảnh sát biển Việt Nam, có hiệu lực thi hành kể từ ngày 12 tháng 10 năm 2013.

CHÍNH PHỦ

Căn cứ Luật tổ chức Chính phủ ngày 25 tháng 12 năm 2001;

Căn cứ Pháp lệnh lực lượng Cảnh sát biển Việt Nam năm 2008;

Xét đề nghị của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng,[1]

Chương I
NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Nghị định này quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Pháp lệnh lực lượng Cảnh sát biển Việt Nam về tổ chức, hoạt động, một số loại trang bị và chế độ, chính sách ưu đãi đối với lực lượng Cảnh sát biển Việt Nam.

---

[1] Nghị định số 96/2013/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung một số điều Nghị định số 86/2009/NĐ-CP ngày 29 tháng 10 năm 2009 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Pháp lệnh lực lượng Cảnh sát biển Việt Nam, có căn cứ ban hành như sau:

"Căn cứ Luật tổ chức Chính phủ ngày 25 tháng 12 năm 2001;

Căn cứ Pháp lệnh lực lượng Cảnh sát biển Việt Nam ngày 26 tháng 01 năm 2008;

Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng,

Chính phủ ban hành Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều Nghị định số 86/2009/NĐ-CP ngày 19 tháng 10 năm 2009 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Pháp lệnh lực lượng Cảnh sát biển Việt Nam."

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Nghị định này áp dụng đối với lực lượng Cảnh sát biển Việt Nam, tổ chức, cá nhân Việt Nam và tổ chức, cá nhân nước ngoài. Trong trường hợp Điều ước quốc tế mà Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên có quy định khác thì áp dụng Điều ước quốc tế đó.

Điều 3. Tổ chức và hoạt động của lực lượng Cảnh sát biển Việt Nam

1. Lực lượng Cảnh sát biển Việt Nam được tổ chức theo Pháp lệnh lực lượng Cảnh sát biển Việt Nam, Nghị định này và các văn bản pháp luật khác có liên quan.

2.[2] Cảnh sát biển Việt Nam là lực lượng chuyên trách của Nhà nước, hoạt động theo các quy định của pháp luật Việt Nam; tôn trọng và tuân thủ các điều ước quốc tế mà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên.

3.[3] Bộ trưởng Bộ Quốc phòng chịu trách nhiệm trước Thủ tướng Chính phủ, Quốc hội về quản lý nhà nước đối với lực lượng Cảnh sát biển Việt Nam, trực tiếp chỉ đạo hoạt động của lực lượng Cảnh sát biển Việt Nam.

Điều 4. Tên giao dịch quốc tế[4]

Lực lượng Cảnh sát biển Việt Nam có tên giao dịch quốc tế bằng tiếng Anh là Vietnam Coast Guard.

Chương II
TỔ CHỨC CỦA LỰC LƯỢNG CẢNH SÁT BIỂN VIỆT NAM

Điều 5. Hệ thống tổ chức của lực lượng Cảnh sát biển Việt Nam

1. Cơ quan Bộ Tư lệnh Cảnh sát biển[5].

---

[2] Khoản này được sửa đổi theo quy định tại Khoản 1 Điều 1 của Nghị định số 96/2013/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung một số điều Nghị định số 86/2009/NĐ-CP ngày 29 tháng 10 năm 2009 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Pháp lệnh lực lượng Cảnh sát biển Việt Nam, có hiệu lực kể từ ngày ngày 12 tháng 10 năm 2013.

[3] Khoản này được sửa đổi theo quy định tại Khoản 1 Điều 1 của Nghị định số 96/2013/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung một số điều Nghị định số 86/2009/NĐ-CP ngày 29 tháng 10 năm 2009 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Pháp lệnh lực lượng Cảnh sát biển Việt Nam, có hiệu lực kể từ ngày 12 tháng 10 năm 2013.

[4] Điều này được sửa đổi theo quy định tại Khoản 2 Điều 1 Nghị định số 96/2013/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung một số điều Nghị định số 86/2009/NĐ-CP ngày 29 tháng 10 năm 2009 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Pháp lệnh lực lượng Cảnh sát biển Việt Nam, có hiệu lực kể từ ngày 12 tháng 10 năm 2013.

[5] Cụm từ "Cục Cảnh sát biển" được thay thế bởi cụm từ "Bộ Tư lệnh Cảnh sát biển" theo quy định tại Khoản 1 Điều 2 của Nghị định số 96/2013/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung một số điều Nghị định số 86/2009/NĐ-CP ngày 29 tháng 10 năm 2009 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Pháp lệnh lực lượng Cảnh sát biển Việt Nam, có hiệu lực kể từ ngày 12 tháng 10 năm 2013.

2. Đơn vị trực thuộc Bộ Tư lệnh Cảnh sát biển[6], gồm:

a) Vùng Cảnh sát biển. Trong cơ cấu của vùng Cảnh sát biển có hải đoàn, hải đội, cụm trinh sát và đội nghiệp vụ Cảnh sát biển;

b) Hải đoàn Cảnh sát biển;

c) Cụm trinh sát;

d) Cụm đặc nhiệm phòng, chống tội phạm ma túy;

đ) Trung tâm thông tin Cảnh sát biển;

e) Trung tâm huấn luyện Cảnh sát biển.

3. Bộ trưởng Bộ Quốc phòng quy định biên chế, trang bị và nhiệm vụ cụ thể các cơ quan, đơn vị Cảnh sát biển.

Điều 6. Bộ Tư lệnh Cảnh sát biển[7]

1. Bộ Tư lệnh Cảnh sát biển có tư cách pháp nhân, có tài khoản và con dấu có hình quốc huy, được mở tài khoản tại Kho bạc Nhà nước, có trụ sở tại thành phố Hà Nội; kinh phí hoạt động do ngân sách nhà nước cấp và được ghi riêng một mục trong tổng kinh phí hoạt động của Bộ Quốc phòng.

2. Tư lệnh, Chính ủy, Phó Chính ủy và các Phó Tư lệnh Cảnh sát biển do Thủ tướng Chính phủ bổ nhiệm theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng.

Điều 7. Vùng Cảnh sát biển

1. Vùng Cảnh sát biển 1 quản lý các vùng biển và thềm lục địa từ cửa sông Bắc Luân tỉnh Quảng Ninh đến đảo Cồn Cỏ tỉnh Quảng Trị, có trụ sở tại thành phố Hải Phòng.

2. Vùng Cảnh sát biển 2 quản lý các vùng biển và thềm lục địa từ đảo Cồn Cỏ tỉnh Quảng Trị đến Cù Lao Xanh tỉnh Bình Định, có trụ sở tại tỉnh Quảng Nam.

3. Vùng Cảnh sát biển 3 quản lý các vùng biển và thềm lục địa từ Cù Lao Xanh tỉnh Bình Định đến bờ Bắc cửa Định An tỉnh Trà Vinh, có trụ sở tại tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

4. Vùng Cảnh sát biển 4 quản lý các vùng biển và thềm lục địa từ bờ Bắc cửa Định An tỉnh Trà Vinh đến Hà Tiên tỉnh Kiên Giang, có trụ sở tại tỉnh Cà Mau.

---

[6] Cụm từ "Cục Cảnh sát biển" được thay thế bởi cụm từ "Bộ Tư lệnh Cảnh sát biển" theo quy định tại Khoản 1 Điều 2 của Nghị định số 96/2013/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung một số điều Nghị định số 86/2009/NĐ-CP ngày 29 tháng 10 năm 2009 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Pháp lệnh lực lượng Cảnh sát biển Việt Nam, có hiệu lực kể từ ngày 12 tháng 10 năm 2013.

[7] Điều này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại Khoản 3 Điều 1 của Nghị định số 96/2013/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung một số điều Nghị định số 86/2009/NĐ-CP của Chính phủ ngày 29 tháng 10 năm 2009 quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Pháp lệnh lực lượng Cảnh sát biển Việt Nam, có hiệu lực thi hành kể từ ngày 12 tháng 10 năm 2013.

Điều 8. Cảnh sát viên, Trinh sát viên

1. Cảnh sát viên và Trinh sát viên là chức danh pháp lý trong lực lượng Cảnh sát biển để làm nhiệm vụ xử lý vi phạm hành chính và đấu tranh phòng, chống tội phạm.

2. Bộ trưởng Bộ Quốc phòng quy định tiêu chuẩn và thủ tục bổ nhiệm, miễn nhiệm các chức danh pháp lý thuộc lực lượng Cảnh sát biển Việt Nam.

Chương III
CỜ HIỆU, PHÙ HIỆU, TRANG PHỤC CỦA LỰC LƯỢNG CẢNH SÁT BIỂN VIỆT NAM

Điều 9. Cờ hiệu

1. Cờ lệnh

Cờ lệnh của lực lượng Cảnh sát biển Việt Nam hình tam giác cân, nền xanh nước biển, chiều cao 1,5m, cạnh đáy 1,0m, có quốc huy ở giữa và mũi tên màu vàng chạy ngang phía sau.

Cờ lệnh treo trên cột cờ cao 2,5m cắm ở đuôi tàu (riêng tàu tìm kiếm cứu nạn cắm ở boong thượng phía sau).

2. Ký hiệu

Ký hiệu có 2 vạch màu da cam và màu trắng liền kề nhau, chiều dài của vạch bằng chiều cao mạn khô của thân tàu.

Vạch số 1 màu da cam đặt ở điểm cuối của mũi tàu giáp với điểm đầu của thân tàu, chếch 30^0 - 40^0, chiều rộng 0,5m - 1,0m (tùy theo kích thước tàu) tiếp đến vạch số 2 màu trắng, chiều rộng bằng 1/4 vạch số 1.

Ký hiệu được biểu hiện ở 2 bên thân tàu.

3. Màu sắc của tàu Cảnh sát biển Việt Nam

Màu sắc của thân tàu Cảnh sát biển Việt Nam có các loại như sau:

a) Thân tàu tuần tra, tàu môi trường sơn màu xanh nước biển, đài chỉ huy sơn màu trắng.

Trên thân tàu:

Phần trước hai vạch ký hiệu viết số tàu màu trắng;

Phần sau hai vạch ký hiệu viết chữ in hoa màu trắng:

CẢNH SÁT BIỂN VIỆT NAM (HÀNG TRÊN).

VIETNAM COAST GUARD (HÀNG DƯỚI)[8].

---

[8] Cụm từ "VIETNAM MARINE POLICE" được thay thế bởi cụm từ "VIETNAM COAST GUARD" theo quy định tại Khoản 2 Điều 2 của Nghị định số 96/2013/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung một số điều Nghị định số 86/2009/NĐ-CP của Chính phủ ngày 29 tháng 10 năm 2009 quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Pháp lệnh lực lượng Cảnh sát biển Việt Nam, có hiệu lực thi hành kể từ ngày 12 tháng 10 năm 2013.

b) Thân tàu tìm kiếm - cứu nạn sơn màu da cam, đài chỉ huy sơn màu trắng, đường viền phía trên đài chỉ huy sơn màu da cam.

Trên thân tàu:

Phần trước hai vạch ký hiệu viết số tàu màu trắng;

Phần sau hai vạch ký hiệu viết chữ in hoa màu trắng:

CẢNH SÁT BIỂN VIỆT NAM (HÀNG TRÊN)

VIETNAM COAST GUARD (HÀNG DƯỚI)[9].

4. Màu sắc máy bay Cảnh sát biển Việt Nam

a) Thân máy bay

Thân máy bay phía dưới sơn màu xanh nước biển (tính từ vạch dưới cửa sổ lồi của máy bay trở xuống), phần bụng máy bay cho tới sát cửa kính cabin khoang lái.

Thân máy bay phía trên sơn màu trắng (tính từ vạch dưới cửa sổ lồi của máy bay trở lên), phần lưng máy bay cho tới sát cửa kính cabin khoang lái và phần cánh máy bay.

b) Đầu máy bay

Đầu máy bay có 2 vạch ký hiệu màu vàng da cam và màu trắng được sơn trên nền sơn màu xanh nước biển của thân máy bay phía dưới. Vạch số 1 sơn màu vàng da cam từ mép dưới cabin lái xuống sát mép bụng dưới thân máy bay, chếch 15^0 đến 20^0, chiều rộng 0,5m - 1,0m (tùy theo kích thước máy bay). Ở giữa sơn phù hiệu ngành. Tiếp đến vạch số 2 sơn màu trắng, song song và rộng bằng 1/4 vạch số 1.

Phần trước hai vạch ký hiệu viết số máy bay màu trắng;

Phần sau hai vạch ký hiệu viết chữ in hoa màu trắng trên thân máy bay màu xanh nước biển:

CẢNH SÁT BIỂN VIỆT NAM (HÀNG TRÊN)

VIETNAM COAST GUARD (HÀNG DƯỚI)[10].

Phần mũi máy bay sơn màu xanh nước biển.

---

[9] Cụm từ "VIETNAM MARINE POLICE" được thay thế bởi cụm từ "VIETNAM COAST GUARD" theo quy định tại Khoản 2 Điều 2 của Nghị định số 96/2013/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung một số điều Nghị định số 86/2009/NĐ-CP của Chính phủ ngày 29 tháng 10 năm 2009 quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Pháp lệnh lực lượng Cảnh sát biển Việt Nam, có hiệu lực thi hành kể từ ngày 12 tháng 10 năm 2013.

[10] Cụm từ "VIETNAM MARINE POLICE" được thay thế bởi cụm từ "VIETNAM COAST GUARD" theo quy định tại Khoản 2 Điều 2 của Nghị định số 96/2013/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung một số điều Nghị định số 86/2009/NĐ-CP của Chính phủ ngày 29 tháng 10 năm 2009 quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Pháp lệnh lực lượng Cảnh sát biển Việt Nam, có hiệu lực thi hành kể từ ngày 12 tháng 10 năm 2013.

c) Cánh máy bay

Cánh chính: Phần trên cánh và dưới cánh sơn màu trắng.

Cánh đuôi ngang: Phần trên cánh và dưới cánh sơn màu trắng.

Cánh đuôi đứng: Phía trên hai bên chóp đuôi đứng sơn hình Quốc kỳ Việt Nam, phía dưới sơn phù hiệu ngành, phần còn lại hai bên của đuôi đứng sơn màu trắng.

d) Động cơ máy bay và cánh quạt

Vỏ ngoài 2 động cơ sơn màu trắng.

Điều 10. Phù hiệu ngành

Phù hiệu ngành của lực lượng Cảnh sát biển Việt Nam hình lá chắn trên nền tím than, hai thanh kiếm vắt chéo phía sau, kích thước cao x rộng: 105 x 80mm, xung quanh viền đỏ 2mm, ở giữa có mỏ neo màu trắng, hai bên có bông lúa màu vàng, phía dưới có chữ CSB màu đỏ, phía trên có ngôi sao vàng năm cánh.

Điều 11. Trang phục của lực lượng Cảnh sát biển Việt Nam[11]

Cảnh hiệu, cấp hiệu, phù hiệu, cảnh phục và lễ phục của lực lượng Cảnh sát biển Việt Nam do Thủ tướng Chính phủ quy định.

Điều 12. Quy định về sử dụng Quốc kỳ, Cờ hiệu, phù hiệu, trang phục

Trong khi làm nhiệm vụ tàu, thuyền và các phương tiện khác của lực lượng Cảnh sát biển Việt Nam phải treo Quốc kỳ và Cờ hiệu Cảnh sát biển; cán bộ, chiến sĩ Cảnh sát biển phải mặc trang phục và mang phù hiệu Cảnh sát biển Việt Nam theo quy định.

Chương IV
HOẠT ĐỘNG CỦA LỰC LƯỢNG CẢNH SÁT BIỂN VIỆT NAM

Điều 13. Phạm vi hoạt động của lực lượng Cảnh sát biển Việt Nam

Lực lượng Cảnh sát biển Việt Nam hoạt động trên các vùng biển và thềm lục địa của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

Điều 14. Hoạt động thực thi pháp luật trên biển

1. Lực lượng Cảnh sát biển Việt Nam tiến hành công tác kiểm tra, kiểm soát, phát hiện, ngăn chặn và xử lý vi phạm, tội phạm trên các vùng biển và thềm lục địa

---

[11] Điều này được sửa đổi theo quy định tại Khoản 4 Điều 1 của Nghị định số 96/2013/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung một số điều Nghị định số 86/2009/NĐ-CP của Chính phủ ngày 29 tháng 10 năm 2009 quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Pháp lệnh lực lượng Cảnh sát biển Việt Nam, có hiệu lực thi hành kể từ ngày 12 tháng 10 năm 2013.

Việt Nam theo quy định của pháp luật Việt Nam và các điều ước quốc tế có liên quan mà Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên.

2. Cá nhân, tổ chức và phương tiện hoạt động trên các vùng biển và thềm lục địa của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam đều phải chịu sự kiểm tra, kiểm soát của lực lượng Cảnh sát biển Việt Nam trong việc bảo đảm an ninh, trật tự, an toàn và chấp hành pháp luật của Việt Nam và các điều ước quốc tế có liên quan mà Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên.

3. Bộ trưởng Bộ Quốc phòng quy định quy trình kiểm tra, kiểm soát của lực lượng Cảnh sát biển Việt Nam.

Điều 15. Hoạt động hợp tác quốc tế

1. Giáo dục, đào tạo, bồi dưỡng nghiệp vụ nâng cao năng lực hoạt động của lực lượng Cảnh sát biển Việt Nam.

2. Phòng, chống cướp biển, cướp có vũ trang chống lại tàu thuyền tại châu Á.

3. Kiểm soát, ngăn ngừa và đấu tranh các hoạt động xuất, nhập cảnh bất hợp pháp trên biển.

4. Hợp tác tuần tra, kiểm tra, giám sát về bảo tồn và quản lý các nguồn tài nguyên từ biển.

5. Tìm kiếm cứu nạn, phòng, chống ô nhiễm môi trường biển và ứng phó với sự cố môi trường biển.

6. Kiểm soát, ngăn ngừa và đấu tranh phòng, chống tội phạm ma túy trên biển;

7. Các hoạt động hợp tác quốc tế khác có liên quan.

Điều 16. Sử dụng vũ khí, công cụ hỗ trợ và phương tiện, thiết bị kỹ thuật nghiệp vụ

Trong khi thực hiện nhiệm vụ lực lượng Cảnh sát biển Việt Nam được sử dụng vũ khí, công cụ hỗ trợ theo quy định của pháp luật; việc sử dụng phương tiện, thiết bị kỹ thuật nghiệp vụ trong các hoạt động của lực lượng Cảnh sát biển Việt Nam do Bộ trưởng Bộ Quốc phòng quy định**.**

Điều 17. Các biện pháp nghiệp vụ

1. Lực lượng Cảnh sát biển Việt Nam được áp dụng các biện pháp nghiệp vụ theo quy định của Luật An ninh quốc gia và các văn bản pháp luật khác có liên quan.

2. Khi thực hiện nhiệm vụ đấu tranh phòng, chống tội phạm và các hành vi vi phạm pháp luật trên biển, các đơn vị nghiệp vụ và cán bộ chuyên trách thuộc lực lượng Cảnh sát biển Việt Nam được áp dụng các biện pháp nghiệp vụ cần thiết và phải chịu trách nhiệm về những hoạt động của mình.

3. Thủ tướng Chính phủ ban hành Quy chế hoạt động nghiệp vụ của lực lượng Cảnh sát biển Việt Nam quy định tại Khoản 2 Điều này.

Chương V
CHẾ ĐỘ, CHÍNH SÁCH ƯU ĐÃI

Điều 18. Chế độ phụ cấp ưu đãi

Chế độ phụ cấp công tác lâu năm ở biên giới, hải đảo và chế độ phụ cấp đặc thù đi biển thực hiện nhiệm vụ tìm kiếm, cứu nạn của lực lượng Cảnh sát biển do Thủ tướng Chính phủ quy định.

Điều 19. Chính sách thương binh, liệt sỹ đối với cán bộ, chiến sỹ khi đang làm nhiệm vụ trên biển

Cán bộ, chiến sỹ lực lượng Cảnh sát biển khi đang làm nhiệm vụ trên biển do ốm đau, tai nạn mà bị chết hoặc bị thương được cơ quan có thẩm quyền xem xét xác nhận là liệt sĩ, thương binh, người hưởng chính sách như thương binh, bệnh binh theo quy định của pháp luật ưu đãi người có công.

Chương VI
ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH[12]

Điều 20. Hiệu lực thi hành

Nghị định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 04 tháng 12 năm 2009 và thay thế Nghị định số 53/1998/NĐ-CP ngày 21 tháng 7 năm 1998 của Chính phủ quy định về tổ chức và hoạt động của lực lượng Cảnh sát biển Việt Nam.

Điều 21. Tổ chức thực hiện

1. Hàng năm Bộ Quốc phòng phối hợp với Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Tài chính lập dự toán ngân sách để đảm bảo kinh phí hoạt động cho lực lượng Cảnh sát biển Việt Nam.

2. Bộ Quốc phòng chủ trì, phối hợp với các Bộ Nội vụ, Bộ Tài chính, Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội hướng dẫn cụ thể các nội dung quy định về chế độ, chính sách ưu đãi đối với lực lượng Cảnh sát biển Việt Nam.

---

[12] Điều 3 của Nghị định số 96/2013/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung một số điều Nghị định số 86/2009/NĐ-CP ngày 19 tháng 10 năm 2009 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Pháp lệnh lực lượng Cảnh sát biển Việt Nam, có hiệu lực thi hành kể từ ngày 12 tháng 10 năm 2013 quy định như sau:

"***Điều 3. Hiệu lực và trách nhiệm thi hành***

1. Nghị định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 12 tháng 10 năm 2013.

2. Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và Tư lệnh Cảnh sát biển chịu trách nhiệm thi hành Nghị định này./."

3. Bộ trưởng Bộ Quốc phòng có trách nhiệm hướng dẫn và tổ chức thực hiện Nghị định này.

Điều 22. Trách nhiệm thi hành

Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ và Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và Tư lệnh Cảnh sát biển[13] chịu trách nhiệm thi hành Nghị định này./.

BỘ QUỐC PHÒNG

Số: 23/NĐHN-BQP

XÁC THỰC VĂN BẢN HỢP NHẤT

Hà Nội, ngày 27 tháng 12 năm 2013

BỘ TRƯỞNG

Đại tướng Phùng Quang Thanh

[13] Cụm từ "Cục Cảnh sát biển" được thay thế bởi cụm từ "Bộ Tư lệnh Cảnh sát biển" theo quy định tại Khoản 1 Điều 2 của Nghị định số 96/2013/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung một số điều Nghị định số 86/2009/NĐ-CP của Chính phủ ngày 29 tháng 10 năm 2009 quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Pháp lệnh lực lượng Cảnh sát biển Việt Nam, có hiệu lực thi hành kể từ ngày 12 tháng 10 năm 2013.

VĂN PHÒNG CHÍNH PHỦ XUẤT BẢN

Địa chỉ: Số 1, Hoàng Hoa Thám, Ba Đình, Hà Nội
Điện thoại: 080.44946 – 080.44417
Fax: 080.44517
Email: congbao@chinhphu.vn
Website: http://congbao.chinhphu.vn
In tại: Xí nghiệp Bản đồ 1 - Bộ Quốc phòng

Giá: 10.000 đồng